

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

Phiếu An Toàn Hóa Chất

MANGANESE SULPHATE		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: 10034-96-5 Số UN: 3077 Số đăng ký EC: 232-089-9 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: Manganese Sulphate		Mã sản phẩm (nếu có)	
Tên thương mại : Manganese Sulphate			
Tên khác (không là tên khoa học):			
Xuất xứ: Trung Quốc		Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
Mục đích sử dụng: Dùng trong công nghiệp, phân bón,...			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Manganese Sulphate	10034-96-5	MnSO ₄	90%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (Theo số liệu có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS: chưa phân loại - Đột biến tế bào mầm (cấp 2) Theo HMIS (Mỹ): - Sức khỏe : 1 - Dễ cháy : 0 - Phản ứng : 0 - Bảo vệ cá nhân: E 2. Cảnh báo nguy hiểm			



- Hình đồ cảnh báo:
- Từ cảnh báo: sản phẩm không nguy hiểm
- **Cảnh báo nguy hiểm:**
- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: Chất rắn, không dễ cháy
- Có hại nếu nuốt phải, gây bỏng da nặng và tổn thương mắt, độc nếu hít phải, ăn mòn đường hô hấp.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tuân thủ luật PCCC và mang đầy đủ đồ Bảo hộ lao động.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây kích ứng mắt, ăn mòn mắt, đỏ, ngứa mắt
- Đường thở: có thể ngộ độc tăng kali trong máu
- Đường da: Gây kích ứng da, bỏng da, loét
- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa
- Đường tiết sữa: Phụ nữ mang thai và có con nhỏ hạn chế tiếp xúc

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Lập tức phun một ít nước lên mắt khoảng 15 phút. Thỉnh thoảng nháy mắt. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Lập tức phun một ít nước trên da để khoảng 15 phút. Rửa sạch với xà phòng khử trùng. Bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Rồi đưa bệnh nhân đến bệnh viện
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân đến nơi có không khí thoáng mát, hô hấp nhân tạo. Nếu không thở được đưa ngay đến bệnh viện
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): không gây nôn, mửa. Nếu còn tỉnh cho nạn nhân uống nước. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện. Không cho bệnh nhân ăn bất cứ gì khi bị bất tỉnh hoặc bị rối loạn.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): điều trị theo triệu chứng

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** không dễ cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có sản
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ:**
 - Rủi ro cháy trong sự hiện diện của các chất khác nhau: Chưa thông tin
 - Rủi ro của vụ nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của các tác động cơ học: không có sản
 - Rủi ro của vụ nổ của các sản phẩm sự hiện diện của phóng tính: Chưa có thông tin.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:**
 - Đám cháy nhỏ: Chưa thông tin
 - Đám cháy lớn: Chưa thông tin
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Chưa có thông tin.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ:**
 - * **Nhận xét đặc biệt về mối nguy hiểm cháy:** chưa có thông tin
 - * **Nhận xét đặc biệt về mối nguy hiểm nổ:** chưa có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ

Hòa tan với nước và thu gom, hấp thu vào vật liệu khô hút nước và thu gom vào thùng chứa chất thải phù hợp. Lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.

Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn

Ngăn sự đổ tràn, rò rỉ. Không cho nước vào thùng hóa chất. Sử dụng vật liệu trợ hấp thu hóa chất và thải bỏ theo đúng cách. Không được chạm vào hóa chất đổ tràn. Sử dụng tia nước làm giảm hơi hóa chất. Ngăn hóa chất tràn vào hệ thống cống, tầng hầm, khu hạn chế. Loại bỏ nguồn gây cháy. Gọi trợ giúp khi xử lý sự cố. Lau sạch bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho tràn vào hệ thống cống thải. Giữ nồng độ thấp hơn nồng độ TLV.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Tránh xa sức nóng. Tránh xa nguồn lửa, các vật liệu dễ cháy, tránh xa ánh sáng mặt trời trực tiếp, không ăn. Dùng hít phải bụi. Tránh bị sốc và ma sát. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở thích hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Nên lưu trữ trong một khu vực mát mẻ, thông thoáng, bao bì kín không bị rách. Bảo quản từ 25°C -25°C

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp hệ thống thông gió thoát hơi hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật để giữ nồng độ hơi trong không khí dưới ngưỡng cho phép.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: mang kính, mặt nạ chống độc
- Bảo vệ thân thể: quần áo chống hóa chất
- Bảo vệ tay: mang găng tay thích hợp
- Bảo vệ chân: mang ủng (giày bảo vệ chân)

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: mang đầy đủ BHLĐ

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): tắm rửa sạch sẽ sau khi tiếp xúc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Chất rắn	Điểm sôi (°C): Chưa thông tin
Màu sắc: hồng lợt	Điểm nóng chảy (°C): >449°C
Mùi đặc trưng: Không có	Điểm bùng cháy (°C) : Chưa thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (°C): Chưa thông tin
Tỷ trọng : (nước = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa thông tin
Độ hòa tan trong nước: tan trong nước lạnh. 762 g /l	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa thông tin
Độ pH: 3.0 - 3.5 (50g/l nước ở 20°C)	Tỷ lệ hóa hơi (Ngưỡng mùi): chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³)(Nước = 1): 2,95g/cm ³	Trọng lượng phân tử: 169,02g/mol

X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Ổn định : Sản phẩm ổn định .

Nhiệt độ ổn định : Không có sẵn.

Những điều kiện gây không ổn định : không có sẵn .

Những hóa chất không tương thích : không có sẵn

Tính ăn mòn : không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh .

Bình luận đặc biệt về phản ứng: không có sẵn

Bình luận đặc biệt về ăn mòn : Không có sẵn.

Trùng hợp : không xảy ra .

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Manganese Sulphate	LD ₅₀	2150 mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...):

- Tác dụng gây ung thư: chưa có thông tin.
- Tác dụng gây đột biến: chưa có thông tin.
- Tác dụng gây quái thai: chưa có thông tin.

Các ảnh hưởng độc khác:

Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da , tiêu hóa , đường hô hấp , niêm mạc

Hiệu ứng mãn tính : là chất độc hại cho phổi , màng nhầy, nuốt phải có thể gây kích ứng đường tiêu hóa với triệu chứng buồn nôn , tiêu chảy

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật :

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Manganese Sulphate	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Chưa có thông tin.
- Chỉ số BOD₅ và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Các sản phẩm ngắn hạn không có khả năng suy thoái. Tuy nhiên, các sản phẩm thoái hóa dài hạn có thể phát sinh.
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm phân hủy không độc hại

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:

3. Biện pháp tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: chưa có thông tin.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên qui định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Qui cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	Chưa có thông tin	Manganese Sulphate	Chưa có thông tin	PG III	Chưa có thông tin		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	Chưa có thông tin	Manganese Sulphate	Chưa có thông tin	PG III	Chưa có thông tin		

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): chưa có thông tin.
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** Chưa có thông tin..
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: OSHA:**
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Hướng dẫn bổ sung:

- Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.

2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”.
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH ...”
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi hàm lượng thành phần

Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:

- a) Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
- b) Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
- c) Từ 1 đến 5 phần trăm;
- d) Từ 3 đến 7 phần trăm;
- đ) Từ 5 đến 10 phần trăm;
- e) Từ 7 đến 13 phần trăm;
- g) Từ 10 đến 30 phần trăm;
- h) Từ 15 đến 40 phần trăm;
- i) Từ 30 đến 60 phần trăm;
- k) Từ 40 đến 70 phần trăm;
- l) Từ 60 đến 100 phần trăm.

HÒA VIỆT
Chemgroup